

Địa thể hàng hải miền Trung Việt Nam thời tiền hiện đại

Trần Đức Anh Sơn^a

Tóm tắt:

Bài viết đề xuất khái niệm *địa thể hàng hải* xem xét lại lịch sử miền Trung Việt Nam trong thời tiền hiện đại khác với quan điểm sử học truyền thống. Thay vì xem miền Trung là “vùng biên ải” phía nam, được sáp nhập dần vào lãnh thổ Đại Việt theo diễn trình Nam tiến của người Việt, bài viết cho rằng miền Trung Việt Nam vốn là một không gian gắn bó với biển, được định hình chủ yếu bởi các tuyến hàng hải, cảng thị, cửa sông và mạng lưới giao thương liên vùng. Kế thừa khái niệm *địa thể* của Thongchai Winichakul, bài viết mở rộng cách tiếp cận từ lãnh thổ đất liền sang không gian biển, xem biển không phải ranh giới mà là môi trường kết nối kinh tế, văn hóa và chính trị. Theo đó, Champa là cho giai đoạn hình thành địa thể hàng hải của miền Trung, mang đặc điểm của một *thể chế biển* dựa trên khai thác biển, hải thương và mạng lưới giao thương kết nối miền biển với vùng cao. Tiếp đến, quá trình Việt hóa miền Trung dưới thời các chúa Nguyễn là sự tiếp nhận, tái cấu trúc và thể chế hóa *địa thể hàng hải* sẵn có, hình thành một không gian khác kinh tế - chính trị mang đặc trưng của thể chế biển và kết nối chặt chẽ với lục địa. Bài viết áp dụng lý thuyết *địa thể hàng hải* để xem xét lại quan điểm dùng lãnh thổ đất liền để định hình lịch sử miền Trung, làm rõ bản sắc riêng của khu vực này và góp phần tái tư duy về quá trình hình thành nhà nước Việt Nam thời tiền hiện đại.

Từ khóa: *địa thể hàng hải, miền Trung Việt Nam, Champa, Đàng Trong, lịch sử hàng hải Đông Nam Á*

^a Trường Đại học Đông Á; 33 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường, TP. Đà Nẵng.
e-mail: sontda@donga.edu.com

Central Vietnam's Premodern Maritime Geo-Body.

Tran Duc Anh Son^a

Abstract:

This article proposes the concept of the *maritime geo-body* as a new framework for re-considering the history of Central Vietnam in the pre-modern era beyond the perspectives of traditional historiography. Rather than viewing Central Vietnam as a southern “frontier region” gradually incorporated into the territory of Đại Việt through the Vietnamese southward expansion (*Nam tiến*), the article argues that Central Vietnam was fundamentally a sea-oriented space shaped primarily by maritime routes, port cities, river mouths, and interregional trade networks. Building upon Thongchai Winichakul's concept of the *geo-body*, the article extends the analytical focus from terrestrial territory to maritime space, viewing the sea not as a boundary but as a medium of economic, cultural, and political connectivity. Within this framework, Champa represented the formative stage of the maritime geo-body of Central Vietnam, characterized as a *mari-time polity* based on marine exploitation, maritime trade, and exchange networks linking the coastal zone with the highlands. Subsequently, the Vietnamization of Central Vietnam under the Nguyễn Lords involved the appropriation, restructuring, and institutionalization of this preexisting maritime geo-body, leading to the emergence of a distinct socio-economic and political space that combined maritime characteristics with close connections to the continental hinterland. By applying the theory of the maritime geo-body, the article reconsiders conventional land-based interpretations of Central Vietnamese history, clarifies the distinctive identity of the region, and contributes to rethinking the formation of the Vietnamese state in the pre-modern period.

Keywords: *maritime geo-body, Central Vietnam, Champa, Đàng Trong, Southeast Asian maritime history*

Received: 25.12.2025. Accepted: 15.8.2026. Published: 30.8.2026

DOI: 10.59907/daujs.5.4.2026.547

^a Dong A University; 33 Xo Viet Nghe Tinh Street, Hoa Cuong Ward, Danang City, Vietnam.
e-mail: sontda@donga.edu.com

Đặt vấn đề

1. Sử liệu Việt Nam từ các bộ quốc sử của các triều Lê - Trịnh - Nguyễn như: *Đại Việt sử ký* (thế kỷ XIII), *Đại Việt sử ký toàn thư* (thế kỷ XV-XVII), *Đại Việt sử ký tục biên* (thế kỷ XVIII), *Đại Nam thực lục tiền biên* (thế kỷ XIX), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (thế kỷ XIX)... hay do các học giả biên soạn như: *Ô châu cận lục* (Dương Văn An, thế kỷ XVI), *Phủ biên tạp lục* (Lê Quý Đôn, thế kỷ XVIII)... cho đến các biên khảo của các sử gia trong và ngoài Việt Nam trong thời hiện đại như: *Việt Nam sử lược* (Trần Trọng Kim 1920), *Việt Nam văn hóa sử cương* (Đào Duy Anh 1938), *Việt sử xứ Đàng Trong* (Phan Khoang, 1969), *Lịch sử Việt Nam* (Viện Sử học 2017), *Vietnam and the Chinese Model: A Comparative Study of Vietnamese and Chinese Government in the First Half of the Nineteenth Century* (Alexander Woodside 1971)... thường mô tả vùng đất sau này là miền Trung Việt Nam, là một dải đất hẹp bị kẹp giữa dãy Trường Sơn và Biển Đông, nằm giữa hai trung tâm nông nghiệp lớn là đồng bằng sông Hồng ở phía Bắc và đồng bằng sông Mê Kông ở phía Nam. Các sử liệu này nhấn mạnh đặc điểm địa lý của miền Trung: lãnh thổ hẹp về chiều ngang, khí hậu khắc nghiệt, địa hình bị chia cắt... củng cố quan điểm lấy đất liền làm trung tâm, đề cao các đồng bằng nông nghiệp như động lực chính của lịch sử Việt Nam, xem miền Trung là biên cương ngoại vi, là không gian chuyển tiếp được sáp nhập dần vào một thực thể Đại Việt (tiền thân của Việt Nam ngày nay) đang mở rộng.

Cách tiếp cận này, dù phản ánh một số thực tại địa lý, lịch sử và chính trị, nhưng bỏ qua một đặc điểm then chốt từng định hình vùng đất này trong nhiều thế kỷ, trước khi trở thành một phần lãnh thổ Việt Nam: về căn bản miền Trung là một thực thể gắn bó với biển, chứ không chỉ là một hành lang nhỏ hẹp nối liền lãnh thổ Bắc-Nam.

Về địa lý, miền Trung sở hữu những điều kiện đặc biệt thuận lợi cho sự phát triển gắn liền với biển: dãy Trường Sơn chạy sát bờ biển tạo nên các đồng bằng ven biển hẹp, hệ thống sông ngấn nhưng có thể hình thành các tuyến kết nối tự nhiên giữa miền biển và vùng cao, nhiều vịnh ven biển và tính ổn định tương đối của gió mùa ở khu vực Biển Đông đã tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương hàng hải... Những điều kiện sinh thái này đã kết nối khu vực này với miền nam Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Đông Nam Á và sau này là châu Âu thông qua mạng lưới hải thương. Trong nhiều thế kỷ, khu vực này đóng vai trò trung gian cho sự lưu chuyển hàng hóa, nhân lực, kỹ thuật, giao lưu văn hóa giữa nội vùng với thế giới. Các thương cảng ở miền Trung không chỉ liên kết với mạng lưới hàng hải xuyên đại dương, mà còn kết nối với thượng du thông qua các mạng lưới trao đổi đường sông. Nói cách khác, miền Trung Việt Nam là một cấu trúc không gian hàng hải được tích hợp giữa duyên hải, lưu vực sông ngòi và vùng cao.

Về lịch sử, trước khi trở thành một phần lãnh thổ Đại Việt, miền Trung là lãnh thổ của Champa (thế kỷ II-XV), một *thể chế biển* (maritime polity) điển hình, với đời sống kinh tế,

thể chế chính trị và tính đa dạng văn hóa... gắn bó với các thương cảng (trade port), tuyến thương mại ven biển và hải đảo. Sau khi sáp nhập vào Đại Việt, nền tảng hàng hải của khu vực này không bị xóa bỏ mà được tái cấu trúc bởi các thể chế hành chính và chính sách kinh tế mới dưới thời các chúa Nguyễn (thế kỷ XVI-XIX), Tây Sơn (cuối thế kỷ XIX) và triều Nguyễn (thế kỷ XIX - giữa XX).

2. Những nghiên cứu gần đây về lịch sử hàng hải Đông Nam Á, với việc nhấn mạnh vai trò của hàng hải trong việc định hình các thực thể chính trị của khu vực này, đã thách thức “cách nhìn truyền thống” về miền Trung Việt Nam. Anthony Reid, trong biên khảo *Southeast Asia in the Age of Commerce, 1450-1680* (Anthony Reid 1988, 1993) nhấn mạnh vai trò quyết định của các cảng thị (port city) và các mạng lưới hải thương (maritime trade network) trong việc định hình Đông Nam Á vào các thế kỷ XV-XVII. Piere-Yves Manguin trong biên khảo *Les Portugaise sur cotés du Vietnam et du Campa* (Piere-Yves Manguin 1972) và trong bài viết “The Amorphous Nature of Coastal Politics in Insular Southeast Asia: Restricted Centres, Extended Peripheries” (Piere-Yves Manguin 2002) đã giới thiệu các hình thái nhà nước, sự chuyển dịch của các thể chế biển (như Champa) kỹ năng hàng hải điều luyện, kinh tế biển và vai trò hàng hải của vùng này trong hệ thống thương mại ở Đông Nam Á vào các thế kỷ XVI-XVII. Bennett Bronson trong biên khảo “Exchange at the Upstream and Downstream Ends: Notes toward a Functional Model of the Coastal State in Southeast Asia” (Bennett Bronson 1977), đã giải thích bản chất của các thể chế biển ở Đông Nam Á hải đảo và bán đảo, tập trung vào mạng lưới trao đổi ven sông (riverine exchange network), nơi thương mại là yếu tố then chốt duy trì nhà nước, thay vì nông nghiệp lúa nước quy mô lớn. Charles Wheeler trong bài viết “Re-Thinking the Sea in Vietnamese History: Littoral Society in the Integration of Thuận-Quảng, Seventeenth-Eighteenth Centuries” (Charles Wheeler 2006), từ trường hợp Hội An, lập luận rằng biển và vùng ven biển là không gian tích hợp then chốt, giúp liên kết các vùng, thúc đẩy thương mại, di cư và hình thành thể chế chính trị ở Đàng Trong vào thế kỷ XVII-XVIII, từ đó cho rằng vùng ven biển miền Trung là động lực then chốt của sự thay đổi lịch sử. Li Tana trong biên khảo *Nguyen Cochinchina: Southern Vietnam in the Seventeenth and Eighteenth Centuries* (Li Tana 1998), nhận định Đàng Trong là một vùng đất có bản sắc riêng biệt, năng động, hướng biển và thương mại, thay vì chỉ là vùng mở rộng nông nghiệp của Đại Việt như cách nhìn truyền thống.

Nhìn chung, các nghiên cứu nói trên và nhiều công trình khác (không thể liệt kê đầy đủ ở đây) đều chỉ ra rằng: biển không phải là vùng ngoại biên của lịch sử Đông Nam Á, mà là không gian trung tâm tạo nên các cấu trúc chính trị và kinh tế của khu vực. Theo cách nhìn đó, miền Trung Việt Nam không phải là biên cương ngoại vi được sáp nhập dần vào Đại Việt. Nơi đây đã có sẵn một cấu trúc không gian hàng hải, được tổ chức theo các trục ngang, nơi các lưu vực sông, cảng biển và vùng cao liên kết với nhau, làm nền tảng cho sự

hình thành các thể chế chính trị, phát triển kinh tế và kết nối với thế giới bên ngoài. Trong cấu trúc đó, biển không phải là ranh giới tự nhiên, mà là môi trường kết nối các mạng lưới kinh tế, văn hóa và chính trị nội vùng và xuyên vùng.

3. Tuy nhiên, miền Trung Việt Nam vẫn hiếm khi được nhìn nhận như một cấu trúc không gian hàng hải thực sự. Trong nhiều nghiên cứu, miền Trung chỉ được nhắc đến như một ví dụ bổ sung khi bàn về lịch sử Champa, diễn trình *Nam tiến* của người Việt, hay hoạt động thương mại của khu vực. Cho đến nay, chưa có học giả nào đưa ra một khung lý thuyết nhằm phân tích và nhận diện tính liên tục của không gian hàng hải và mạng lưới thương mại liên kết miền núi, lưu vực sông và duyên hải ở miền Trung qua nhiều thời kỳ lịch sử, với nhiều chính thể khác nhau.

Bài viết này đề xuất một cách tiếp cận mới, với khái niệm *địa thể hàng hải* (maritime geo-body) nhằm tái định hình vị thế của miền Trung trong lịch sử Việt Nam và trong mối quan hệ với khu vực Đông Nam Á.

Địa thể hàng hải là sự kế thừa khái niệm *địa thể* (geo-body) của Thongchai Winichakul (1994). Theo đó, không gian lãnh thổ không phải là một thực thể tự nhiên cố định mà được hình thành thông qua các quá trình lịch sử, thực hành quyền lực và tưởng tượng chính trị. Tuy nhiên, thay vì tập trung vào sự hình thành lãnh thổ quốc gia hiện đại trên đất liền, bài viết này mở rộng khái niệm *địa thể* sang không gian biển. *Địa thể hàng hải* không chỉ là vùng ven biển đơn thuần, mà là một cấu trúc không gian, trong đó, biển, cảng thị, tuyến hàng hải, đảo và các hành lang trao đổi dọc theo các lưu vực sông ngòi đóng vai trò trung tâm của lịch sử và đời sống kinh tế - xã hội.

Bài viết gồm hai lập luận chính: [1] *Miền Trung Việt Nam là một địa thể hàng hải có tính lịch sử, và, tính thống nhất của khu vực này bắt nguồn từ biển hơn là từ kiểm soát lãnh thổ nội địa;* [2] *Việc nhận diện cấu trúc này không chỉ giúp diễn giải lại lịch sử miền Trung mà còn góp phần mở rộng cách hiểu về Đông Nam Á, vượt qua sự phân chia “cứng” nhắc giữa Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.*

Từ địa thể đến địa thể hàng hải

Khái niệm *địa thể* (geo-body) do Thongchai Winichakul đề xuất trong biên khảo *Siam Mapped: A History of the Geo-body of a Nation* (Thongchai Winichakul 1994), là một trong những đóng góp quan trọng đối với sử học và nghiên cứu thời kỳ hậu thuộc địa ở Đông Nam Á. Theo Thongchai, lãnh thổ quốc gia hiện đại không phải một thực thể tự nhiên tồn tại bất biến từ quá khứ xa xưa, mà là “sản phẩm” được kiến tạo thông qua bản đồ học, địa lý học hiện đại và quyền lực nhà nước. *Địa thể* là hình ảnh lãnh thổ thống nhất, có biên giới xác định và được hình dung như một “thân thể” hoàn chỉnh trên bản đồ quốc gia. Khái

niệm này xuất hiện từ việc nghiên cứu sự hình thành quốc gia (nation) Xiêm cuối thế kỷ XIX, khi vương quốc này đối diện với chủ nghĩa thực dân Anh - Pháp và bắt đầu tiếp thu kỹ thuật “làm” bản đồ của phương Tây.

Thời tiền hiện đại, không gian chính trị ở Đông Nam Á thường mang tính linh hoạt và chồng lấn. Các vương quốc không xác định chủ quyền bằng biên giới tuyến tính như hiện nay mà bởi mạng lưới chư hầu, các trung tâm quyền lực và vùng ảnh hưởng. Không gian này được hình thành bởi các yếu tố địa lý, văn hóa, tôn giáo, tư tưởng, hoặc mạng lưới giao thương, hơn là bởi những ranh giới cố định. Sự xuất hiện bản đồ hiện đại đã làm thay đổi hoàn toàn cách con người tưởng tượng về quốc gia. Thông qua khảo sát địa lý, kinh vĩ tuyến và kỹ thuật đo đạc, quốc gia được tái cấu trúc thành một hình thể thống nhất có thể nhìn thấy trên bản đồ. Theo Thongchai, bản đồ không chỉ phản ánh lãnh thổ mà còn tạo ra lãnh thổ.¹ Nó là một “công nghệ quyền lực” giúp nhà nước xác lập chủ quyền, kiểm soát dân cư và xác định ranh giới giữa “chúng ta” và “kẻ khác”. Do vậy, *địa thể* không chỉ là thực thể vật chất, mà còn là cấu trúc nhận thức và cảm xúc gắn với chủ nghĩa dân tộc hiện đại. Ý nghĩa lý thuyết của *địa thể* nằm ở chỗ nó thách thức quan niệm nguyên thủy cho rằng: quốc gia là thực thể tự nhiên có từ lâu đời. Ngay cả lãnh thổ, yếu tố có vẻ cụ thể và khách quan nhất của quốc gia, cũng là sản phẩm lịch sử được tạo ra từ tri thức và quyền lực.

Tuy nhiên, khái niệm *địa thể* của Thongchai Winichakul chủ yếu được xây dựng trên cơ sở lãnh thổ đất liền. Nó phù hợp để giải thích sự hình thành quốc gia hiện đại với biên giới tuyến tính, nhưng chưa thể lý giải những không gian mà biển giữ vai trò trung tâm trong việc tổ chức xã hội, kinh tế và quyền lực.

Bài viết này mở rộng khái niệm *địa thể* của Thongchai sang *địa thể hàng hải* nhằm giải thích các cấu trúc lịch sử được hình thành bởi biển, mạng lưới thương mại và tính kết nối hàng hải, mà miền Trung Việt Nam là một cấu trúc như vậy.

Nếu *địa thể* của Thongchai dựa trên logic lãnh thổ khép kín và chiều sâu nội địa, thì *địa thể hàng hải* nhấn mạnh những không gian mở, lưu động và kết nối xuyên khu vực. *Địa thể hàng hải* được xác định bởi các tuyến giao thương, hệ thống cảng thị, hành lang ven biển, đảo và mạng lưới trao đổi xuyên đại dương. Trong cấu trúc này, biển không phải khoảng trống nằm giữa các quốc gia, mà là không gian xã hội và lịch sử có khả năng tổ chức đời sống con người.

¹ Thongchai Winichakul viết: “A map created a nation, though not single-handedly” (Tấm bản đồ đã tạo ra một quốc gia, dẫu không phải bằng sức riêng của nó). Xem: Thongchai Winichakul, *Siam Mapped: A History of the Geo-Body of a Nation*. Honolulu: University of Hawai'i Press. 1994, 174.

Khác với đất liền, biển vốn không có biên giới tự nhiên rõ ràng, vì thế, không gian biển mang tính linh hoạt và phân tầng cao hơn lãnh thổ lục địa. Chủ quyền biển không phải lúc nào cũng tuyệt đối và đồng nhất, mà được thiết lập bởi các điểm nút chiến lược (strategic nodes) như: cảng thị, hải đảo hay những tuyến thương mại xuyên đại dương.

Lý thuyết *địa thể hàng hải* nhìn nhận biển như một không gian kết nối thay vì chia cắt. Trong lịch sử, các cộng đồng ven biển có quan hệ chặt chẽ với nhau hơn là với vùng nội địa phía sau. Những hành lang biển tạo nên các mạng lưới lưu thông hàng hóa, con người, kỹ thuật và tín ngưỡng vượt qua biên giới chính trị. Vì vậy, các *thể chế hàng hải* (maritime polity) thường mang tính đa sắc tộc, mở và linh hoạt hơn các *nhà nước nông nghiệp nội địa* (inland agricultural state).

Áp dụng lý thuyết *địa thể hàng hải* khi xem xét các vấn đề lịch sử, chính trị, kinh tế xã hội ở miền Trung Việt Nam, cho phép “tái nhận thức” miền Trung khác với các quan điểm truyền thống: đặt trọng tâm vào quyền lực chính trị của Đại Việt, xem miền Trung là “vùng biên” từng bước được hợp nhất vào Đại Việt từ lãnh thổ của một lân bang bị diệt vong. Với góc nhìn *địa thể hàng hải*, miền Trung là một không gian hàng hải (maritime space) có tính cố kết và tính lịch sử. Tính cố kết của khu vực này không xuất phát từ nội địa, mà chủ yếu từ dải duyên hải, cảng, hải đảo và mạng lưới hải thương.

Chính điều kiện địa lý góp phần tạo nên cấu trúc đặc thù này: dãy Trường Sơn áp sát biển khiến đồng bằng ven biển hẹp; các con sông ngắn và dốc, khó hình thành mô hình nông nghiệp lục địa quy mô như ở đồng bằng sông Hồng hay châu thổ sông Mê Kông. Ngược lại, đặc điểm tự nhiên này lại thúc đẩy sự phát triển của các hành lang nối miền núi với biển. Hàng hóa từ đồng bằng, cao nguyên và miền núi có thể đi qua các cửa biển miền Trung để thông thương với bên ngoài.

Trong cấu trúc ấy, các thương cảng (trade port) trở thành những trọng địa của *địa thể hàng hải* miền Trung. Từ các cảng Champa thời tiền Đại Việt cho tới các cảng thời cận đại ở miền Trung như Thanh Hà, Hội An, Vũng Thùng, Nước Mặn, Xuân Đài..., quyền lực kinh tế và chính trị của các thể chế từng cai trị miền Trung luôn gắn chặt với khả năng kiểm soát các mạng lưới biển. Thương cảng không chỉ là nơi trao đổi thương mại mà còn là không gian giao lưu văn hóa, tôn giáo và dân cư. Đây là nơi sinh tụ của các cộng đồng đa sắc tộc gồm người Chăm, Việt, Hoa, Nhật và nhiều nhóm thương nhân quốc tế khác.

Cách tiếp cận này cũng giúp giải thích tính chất tiếp nhận, giao thoa và thống hợp văn hóa của miền Trung. Người Việt tiến vào khu vực này trong các thế kỷ XVI-XVIII đã tiếp nhận sự thay đổi môi trường sống, không gian cư trú, điều kiện kinh tế - xã hội. Nhiều yếu tố văn hóa, tín ngưỡng, kỹ thuật hàng hải và tổ chức thương mại của Champa tiếp tục tồn tại trong xã hội miền Trung dưới các hình thức chuyển hóa khác nhau. Điều đó cho thấy

lịch sử hình thành miền Trung Việt Nam là quá trình giao thoa và cộng cư hơn là chinh phục và cưỡng chế.

Khung lý thuyết *địa thể hàng hải* cũng cho phép nhìn nhận miền Trung như một chủ thể lịch sử có tính tự sinh, thay vì chỉ là đối tượng của quá trình mở rộng lãnh thổ Đại Việt. Miền Trung không phải khoảng trống được “khai phá”, mà là một cấu trúc không gian sẵn có, gắn bó với biển, mạng lưới thương mại và đời sống văn hóa phong phú. Người Việt là lực lượng đến sau, từng bước hòa nhập, tiếp quản và tái cấu trúc không gian ấy trong quá trình hình thành Việt Nam hiện đại.

Sau cùng, việc áp dụng lý thuyết *địa thể hàng hải* không nhằm phủ nhận vai trò của Đại Việt hay người Việt trong lịch sử miền Trung, mà nhấn mạnh tính lịch sử, tính đa sắc tộc và căn tính biển của khu vực này. Nó có thể thay thế những diễn giải truyền thống và đặt miền Trung vào đúng vị trí trong lịch sử hàng hải Đông Nam Á. Qua lăng kính ấy, miền Trung hiện ra không phải như một “vùng biên” bị sáp nhập thụ động, mà như một *địa thể hàng hải* năng động, nơi các cộng đồng dị biệt đã cùng nhau kiến tạo một không gian lịch sử, liên tục và giàu tính kết nối.

Champa và cách tiếp cận *địa thể hàng hải*

Quan điểm truyền thống về lịch sử Việt Nam thường được mô tả Champa là vương quốc cổ, tồn tại ở miền Trung trước khi bị Đại Việt chinh phục trong diễn trình Nam tiến (*Đại Việt sử ký toàn thư, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Đại Nam thực lục tiền biên, Việt Nam sử lược, Le Royaume de Champa...*). Cách tiếp cận này chủ yếu đặt Champa trong khung lịch sử chính trị - quân sự, xem đây là một thể chế chính trị khu vực bị suy yếu và bị thay thế bởi sự mở rộng lãnh thổ của Đại Việt từ phương Bắc. Hệ quả là Champa thường bị nhìn nhận như “tiền sử” của miền Trung Việt Nam hiện đại hơn là một cấu trúc không gian - chính trị có logic phát triển riêng.

Tuy nhiên, các nghiên cứu về lịch sử hàng hải Đông Nam Á trong vài thập niên gần đây đã nhìn Champa từ một góc độ khác (Li Tana 1998; Li Tana 2006: 83-102; Charles Wheeler 2006; Anthony Reid 1988, 1993). Thay vì là một nhà nước nông nghiệp lục địa, Champa trước hết là một thể chế biển, tồn tại và phát triển dựa trên khả năng kiểm soát các mạng lưới thương mại hàng hải, các cảng thị ven biển và các hành lang kết nối giữa biển, vùng duyên hải với miền thượng du. Chính yếu tố biển mới là nền tảng định hình cấu trúc kinh tế, quyền lực chính trị và diễn trình lịch sử của Champa trong hơn một thiên niên kỷ tồn tại.

Về cấu trúc kinh tế - chính trị, Champa có nhiều điểm tương đồng với các *chính thể cảng thị* (port polity) từng tồn tại ở Đông Nam Á thời tiền hiện đại, hơn là với một nhà nước

nông nghiệp tập quyền nội địa. Champa phát triển dựa trên logic hướng biển, thương mại hàng hải và hệ thống cảng thị trải dài ven biển. Khi người Việt tiến vào miền Trung, họ không tạo ra một không gian hoàn toàn mới mà tiếp quản và tái cấu trúc một *địa thể hàng hải* đã tồn tại trước đó. Điều này có nghĩa rằng quá trình chuyển đổi từ Champa sang miền Trung dưới các chủ thể chính trị Đại Việt không phải một sự đứt đoạn hoàn toàn. Các chủ thể chính trị thay đổi, nhưng cấu trúc không gian cơ bản của khu vực vẫn được duy trì, chỉ khác ở thế lực kiểm soát và cách tích hợp chúng vào hệ thống quyền lực mới.

Nền tảng môi trường và định hướng hàng hải

Sự hình thành Champa gắn chặt với điều kiện địa lý đặc thù của duyên hải miền Trung Việt Nam. Tọa lạc trên một dải lãnh thổ dài và hẹp bị kẹp giữa núi và biển, địa bị chia cắt bởi nhiều rặng núi từ phía tây vươn ra tận biển ở phía đông và các dòng sông ngắn, chảy nhanh ra biển, không thuận lợi để phát triển một nền nông nghiệp lục địa quy mô. Do đó, cư dân Champa không thể dựa chủ yếu vào mô hình kinh tế nông nghiệp nội địa. Thay vào đó, họ phát triển mạnh các hoạt động hàng hải, thương mại và trao đổi xuyên khu vực. Những hạn chế môi trường lại trở thành lợi thế chiến lược. Đường bờ biển dài với nhiều cửa sông, vũng vịnh và đảo ngoài khơi tạo điều kiện lý tưởng cho giao thông biển và hình thành các cảng thị. Hệ thống gió mùa ổn định của Biển Đông cung cấp nhịp điệu tự nhiên cho các tuyến hải hành kết nối Đông Á với Đông Nam Á hải đảo và Ấn Độ Dương.

Trong cấu trúc địa lý và không gian như vậy, biển không phải là biên giới của Champa, mà là trung tâm tổ chức của đời sống kinh tế và quyền lực chính trị của vương quốc. Các cửa sông đóng vai trò là hành lang, đưa sản vật từ vùng cao xuống miền duyên hải để tham gia vào mạng lưới thương mại quốc tế và ngược lại cũng là tuyến giao thương đưa hải vật từ biển, sản phẩm nông nghiệp từ đồng bằng ngược lên thượng du (Henry Maitre 2007¹; Bennett Bronson 1977: 39-52; Nguyễn Phước Bảo Đàn 2009: 151-218; Nguyễn Phước Bảo Đàn 2018: 288-320; Li Tana 1999: 123; Trần Thanh Hưng 2025: 25-27; Trần Tấn Vĩnh 2026: 64-83). Các cảng thị ven biển trở thành giao diện kết nối giữa xã hội địa phương với thế giới bên ngoài.

Từ rất sớm, Champa đã tham gia vào hệ thống giao thương hàng hải khu vực. Các cộng đồng thương nhân từ Ấn Độ, nam Trung Hoa, quần đảo Nhật Bản, bán đảo Triều Tiên và Đông Nam Á hải đảo thường xuyên đi qua vùng biển này nhờ hệ thống gió mùa tương

¹ Henri Maitre dẫn lại ghi chép của Brière trong *Rừng người Thượng* về hoạt động trao đổi hàng hóa giữa vùng duyên hải và thượng du miền Trung như sau: “Tới mùa thuận lợi đó, các cửa hàng ở Hội An gửi hàng hóa tới các chợ quê. Ở đấy họ có người thường trực nhận hàng hóa rồi giao cho lái buôn tổ chức các chuyến đi. Bởi phương thức mua bán chủ yếu là ‘hàng đổi hàng’ nên hành trình thường dài và nặng nhọc”. Xem: Henry Maitre, *Rừng người Thượng* (phần III), Lưu Đình Tuấn dịch, Nguyễn Ngọc hiệu đính. Hà Nội: Tri Thức, 2007.

đối ổn định (Li Tana 2024, Yamagata Mariko 2011¹; Kwon Oh-young 2017²). Chính điều kiện địa lý ấy đã định hướng Champa phát triển như một *thể chế biển* thay vì một quốc gia lãnh thổ lục địa.

Nguồn gốc của Champa cũng cho thấy tính chất hàng hải sâu sắc. Nhiều nghiên cứu liên hệ sự hình thành Champa với văn hóa Sa Huỳnh, một nền văn hóa ven biển có quan hệ rộng với mạng lưới thương mại Đông Nam Á thời tiền sử. Ngay từ giai đoạn hình thành, không gian cư trú và quyền lực của Champa đã phân bố dọc theo duyên hải thay vì hướng vào nội địa. Theo Philip E. Steinberg, “*đại dương là không gian xã hội được kiến tạo qua thực hành kinh tế, chính trị và văn hóa*” (Philip E. Steinberg 2001). Champa là minh chứng sống động cho luận điểm này.

Không gian biển và sự phân tán của tổ chức chính trị

Trái với quan điểm của Georges Maspero trong tác phẩm *Le Royaume de Champa*, cho rằng Champa là một quốc gia thống nhất kéo dài liên tục qua nhiều triều đại, có một

¹ Yamagata Mariko trong bài viết “Trà Kiệu during the Second and Third Centuries CE: The Formation of Linyi from an Archaeological Perspective” cho biết: Trà Kiệu là di tích của Lâm Ấp (tiền thân của Champa) được xem là kinh đô của Champa, là một thành lũy ở đồng bằng có mặt bằng hình chữ nhật. Tại đây đã phát hiện nhiều viên ngói trang trí hình mặt người mang ảnh hưởng của Đông Ngô và Đông Tấn (Trung Quốc); loại ngói này cũng được tìm thấy tại Luy Lâu (được cho là trị sở quận Giao Chỉ) gần Hà Nội, tại Kiến Khang (Nam Kinh), và tại thành Phong Nạp ở Baekje (nay thuộc Seoul, Hàn Quốc). Mặc dù chưa có bằng chứng trực tiếp về giao lưu trực tiếp giữa Baekje và Champa, nhưng không thể phủ nhận khả năng giao thương giữa Champa và bán đảo Triều Tiên đã được kết nối thông qua Đông Ngô và Đông Tấn. Yamagata Mariko, “Trà Kiệu during the Second and Third Centuries CE: The Formation of Linyi from an Archaeological Perspective”, in: Bruce Lockhart and Ky Phuong Tran (eds), *The Cham of Vietnam: History, Society and Art*, Singapore: NUS Press, 2011, 81-101.

² Kwon Oh-young trong bài viết 『바닷길의 확장이 동북아시아에 미친 파급』 cho biết:

“Bối cảnh của hiện tượng các hạt chuỗi thủy tinh IPGB (Indo-Pacific glass beads) lan rộng nhanh chóng tại Đông Bắc Á từ sau thế kỷ III (Peter Francis Jr., 2009: 5-6; Park Jun-young, 2016) được cho là gắn liền với sự phát triển của mạng lưới thương mại đường dài, vượt khỏi khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ Việt Nam (biểu trưng bởi “Giao Chỉ tam quận”). Các tuyến thương mại hàng hải đã mở rộng từ miền Trung Việt Nam (Lâm Ấp), qua Phù Nam ở miền Nam, đến bán đảo Mã Lai và Ấn Độ, và phát triển mạnh mẽ). Xem: 권오영 [Kwon Oh-young]. 2017. 『바닷길의 확장이 동북아시아에 미친 파급』, 해상 실크로드와 문명의 교류 동남아시아와 동북아시아. 강희정 역음, 2017, 65.

“Các ghi chép về trầm hương cũng xuất hiện trong *Tam quốc sử ký* (三國史記), cho thấy nhu cầu sử dụng trầm hương trong xã hội Silla là rất cao. Vào thời điểm đó, loại trầm hương cao cấp nhất được sản xuất tại Cham-pa, với cảng xuất khẩu là Hội An. Dù chưa có nghiên cứu chuyên sâu về nguồn gốc trầm hương nhập vào bán đảo Triều Tiên và Nhật Bản, nhưng khả năng cao nhất vẫn là từ Champa”. Xem: 권오영, *Bài đã dẫn*, 71.

trung tâm quyền lực thống nhất luân phiên giữa các vùng / tiểu quốc đều thuộc vương quốc Champa (Georges Maspero 1928), trong nhiều nghiên cứu về Champa thời gian gần đây đều nhìn nhận: Champa không hình thành và phát triển như một lãnh thổ thống nhất với biên giới cố định theo kiểu các quốc gia nông nghiệp tập quyền kiểu Trung Hoa hay Đại Việt. Thay vào đó, nó vận hành như một mạng lưới các tiểu quốc ven biển trải dài dọc duyên hải miền Trung. Các trung tâm quyền lực như Amaravati, Indrapura, Vijaya, Kauthara và Panduranga liên kết với nhau chủ yếu thông qua giao thông biển hơn là hệ thống nội địa. Tính phân tán này từng bị nhiều sử gia xem là biểu hiện của sự “thiếu thống nhất” và “yếu kém”. Tuy nhiên, nếu nhìn từ logic của các thể chế biển Đông Nam Á, thì đây là cấu trúc phù hợp với Champa. Quyền lực trong các thể chế biển thường phân bố theo các *trọng địa thương mại* thay vì tập trung tuyệt đối vào một trung tâm lãnh thổ duy nhất. Không giống các kinh đô nằm sâu trong nội địa của các quốc gia nông nghiệp, các trung tâm quyền lực Champa thường đặt gần cửa sông và ven biển, nơi có thể kiểm soát hoạt động giao thương quốc tế. Các thương cảng giữ vai trò hạt nhân chính trị và kinh tế của Champa. Quyền lực của giới cầm quyền phụ thuộc lớn vào khả năng kiểm soát thương mại, thu thuế cảng biển và duy trì quan hệ với thương nhân quốc tế hơn là quản lý trực tiếp một lãnh thổ nội địa rộng lớn.

Chính vì vậy, sự dịch chuyển trung tâm quyền lực từ miền Bắc xuống miền Nam Champa qua các thời kỳ không phải là biểu hiện của suy yếu chính trị. Đó còn là phản ứng linh hoạt trước biến động của các tuyến thương mại và môi trường địa chiến lược. Khi một tuyến hải thương thay đổi hoặc một cảng thị mất vai trò kinh tế vốn có, quyền lực có thể chuyển sang các khu vực khác mà không làm tan rã hoàn toàn cấu trúc Champa. Sự dịch chuyển trung tâm từ Amaravati vào Vijaya (từ thế kỷ XII) hay Panduranga (từ sau thế kỷ XVI) phản ánh khả năng thích ứng với biến động thương mại và quân sự, chứ không đơn thuần là suy yếu.

Cấu trúc mạng lưới này có nhiều điểm tương đồng với các *mandala* hàng hải Đông Nam Á, nơi quyền lực mang tính lưu động, linh hoạt và phụ thuộc vào khả năng duy trì các quan hệ thương mại - chính trị hơn là kiểm soát biên giới lãnh thổ cố định.

Champa trong mạng lưới hải thương Đông Nam Á

Từ thế kỷ VII đến XV, Champa giữ vị trí quan trọng trong mạng lưới hải thương Đông Nam Á. Nằm trên tuyến hàng hải nối Trung Hoa với thế giới Đông Nam Á hải đảo và Ấn Độ Dương, Champa trở thành điểm dừng chiến lược của các đoàn thương thuyền quốc tế (Phan Khoang 2025; Nguyễn Văn Kim 2017: 3-24; Li Tana 2024).

Nền kinh tế Champa dựa chủ yếu vào thương mại hàng hải hơn là thặng dư nông nghiệp. Các cảng Chăm kiểm soát nguồn hàng hóa từ vùng cao trong nội địa chuyển ra bên ngoài. Những sản vật quý như trầm hương, kỳ nam, gỗ quý, ngà voi, sừng tê giác và

vàng được đưa từ cao nguyên xuống duyên hải thông qua các hành lang sông-biển, rồi xuất khẩu sang Trung Hoa, Ấn Độ và thế giới Hồi giáo. Trong hệ thống này, cư dân miền núi không nằm ngoài cấu trúc Champa mà giữ vai trò quan trọng trong mạng lưới trao đổi. Điều đó cho thấy Champa không chỉ là một nền văn minh ven biển đơn thuần mà là một hệ thống tích hợp giữa biển, duyên hải và vùng cao.

Không gian biển Champa không chỉ giới hạn ở dải duyên hải lục địa mà còn mở rộng ra các đảo ngoài khơi và các tuyến đường biển trọng yếu xuyên Biển Đông. Những đảo như Cù Lao Chàm (Poulo Campelo), Cù Lao Ré (Poulo Canton), Cù Lao Thu (Poulo Cecir de Mer)... giữ vai trò điểm neo đậu, tiếp tế và kiểm soát hành lang hàng hải trên Biển Đông. Nhờ vị trí địa lý đặc biệt, Champa kết nối chặt chẽ với nhiều không gian khu vực: Trung Hoa, Nhật Bản ở phía bắc; các trung tâm thương mại Ấn Độ Dương ở phía tây; Java, Srivijaya và Đông Nam Á hải đảo ở phía nam và đông nam. Các kết nối này không chỉ mang tính kinh tế mà còn bao gồm trao đổi văn hóa, tôn giáo và tri thức. Biển trở thành kênh truyền tải chính cho các ảnh hưởng Ấn Độ hóa, cũng như sự lan tỏa của kỹ thuật, nghệ thuật và mô hình tổ chức chính trị trong khu vực.

Champa không chỉ tham gia vào thương mại mà còn giữ vai trò trung gian truyền bá văn hóa và tôn giáo trong khu vực. Thông qua các tuyến hàng hải, những ảnh hưởng của Ấn Độ giáo, Phật giáo và sau này là Hồi giáo được đưa vào Đông Nam Á. Đồng thời, Champa cũng tiếp nhận và bản địa hóa các yếu tố ngoại lai, tạo nên một nền văn hóa vừa hướng ngoại vừa có bản sắc riêng.

Từ góc độ lịch sử hàng hải, Champa vì vậy không thể bị xem là một “thực thể ngoại vi”. Ngược lại, nó nằm ngay trong trung tâm của mạng lưới giao lưu Đông Nam Á tiền hiện đại. Sức mạnh của Champa không đến từ quy mô lãnh thổ nội địa mà từ khả năng kiểm soát các trọng địa thương mại và tuyến kết nối hàng hải.

Điều này cũng giải thích vì sao Champa có khả năng duy trì ảnh hưởng trong hơn một thiên niên kỷ dù thường xuyên đối mặt với cạnh tranh từ Đại Việt, Khmer hay Java.

Tính liên tục của địa thế hàng hải Champa

Một trong những vấn đề quan trọng là Champa không hoàn toàn biến mất sau khi bị Đại Việt sáp nhập dần từ thế kỷ XV. Điều thay đổi chủ yếu là chủ thể quyền lực chính trị, trong khi nhiều cấu trúc không gian và logic hàng hải của Champa vẫn tiếp tục tồn tại. Khi người Việt tiến xuống phía Nam, họ không bước vào một vùng đất “trống”, mà tiếp quản một không gian kinh tế - xã hội đã được tổ chức từ trước theo định hướng biển. Các tuyến thương mại, hệ thống cảng biển và mạng lưới kết nối vùng cao với duyên hải tiếp tục được duy trì dưới thời các chúa Nguyễn.

Sự phát triển của Đàng Trong trong thế kỷ XVII-XVIII cho thấy người Việt đã kế thừa đáng kể nền tảng hàng hải Champa thay vì thay thế hoàn toàn nó. Hội An là ví dụ điển hình. Trước khi trở thành thương cảng quốc tế của Đàng Trong, cảng thị này nằm trong không gian thương mại Champa. Các chúa Nguyễn chủ yếu tái tổ chức và khai thác hiệu quả hơn một mạng lưới hàng hải có sẵn (Charles Wheeler 2006: 123-153).

Không chỉ kinh tế, nhiều yếu tố văn hóa Chăm cũng tiếp tục tồn tại trong xã hội miền Trung sau quá trình sáp nhập. Tín ngưỡng biển, mô hình cư trú ven sông - ven biển, kỹ thuật hàng hải và nhiều yếu tố văn hóa dân gian ở miền Trung hiện nay đều phản ánh sự tiếp xúc và hòa trộn lâu dài giữa người Việt với cư dân Chăm bản địa. Do đó, việc xem Champa chỉ như một “vương quốc đã mất” là cách nhìn thiên về gián đoạn lịch sử. Trên thực tế, những di sản của Champa trong kinh tế, xã hội, văn hóa được tiếp nhận và duy trì trong ở miền Trung thời kỳ hậu Champa.

Vượt khỏi diễn ngôn Nam tiến

Tiếp cận Champa như một *địa thế hàng hải* cho phép xem xét lại các diễn giải truyền thống về Nam tiến. Trong nhiều nghiên cứu trước đây, quá trình mở rộng của Đại Việt thường được mô tả như sự phát triển của một quốc gia nông nghiệp mạnh hơn đối với lân bang phương Nam. Cách tiếp cận đó khiến Champa trở thành “đối tượng bị chinh phục” trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, nếu nhìn miền Trung từ logic hàng hải, tiến trình này phức tạp hơn nhiều. Sự hình thành của Đàng Trong và sau này là miền Trung Việt Nam là kết quả của quá trình tiếp biến lâu dài giữa người Việt với người Chăm trên một không gian kinh tế - xã hội đã tồn tại trước đó. Theo nghĩa này, miền Trung không chỉ là một “chiến lợi phẩm” của Đại Việt, mà còn là sự tích hợp lịch sử với một thể chế biển có từ hàng thế kỷ trước. Nói cách khác, Champa đã tạo nền tảng cho lịch sử, kinh tế-xã hội và văn hóa cho miền Trung sau này.

Quá trình Việt hóa *địa thế hàng hải* miền Trung

Quá trình Việt hóa vùng lãnh thổ Champa trở thành miền Trung Việt Nam không đơn thuần là sự thay đổi chủ quyền chính trị, mà là sự tái cấu trúc một không gian biển - ven biển đã có từ trước. Các chúa Nguyễn không tiếp quản một vùng ngoại vi lạc hậu hay một khoảng trống lãnh thổ, mà kế thừa một hệ thống cảng thị, mạng lưới thương mại biển và các hành lang trao đổi nổi duyên hải với miền núi. Chính những nền tảng đó đã góp phần quyết định sự hình thành của Đàng Trong như một *thể chế biển* mạnh mẽ trong các thế kỷ XVI-XVIII. Khác với mô hình nhà nước nông nghiệp châu thổ ở Bắc Bộ, Đàng Trong phát triển trong môi trường địa lý mà biển giữ vai trò trung tâm. Dải đồng bằng hẹp, núi áp sát biển và quỹ đất nông nghiệp hạn chế khiến cư dân miền Trung không thể chỉ dựa

vào sản xuất lúa nước. Trong bối cảnh đó, thương mại hàng hải, kiểm soát cảng biển và kết nối quốc tế trở thành nền tảng sống còn của quyền lực chính trị, như nhận xét của Charles Wheeler “ngoại thương đóng vai trò chủ chốt trong chiến lược của chúa Nguyễn để sinh tồn chống lại kẻ thù là họ Trịnh”.¹ Vì vậy, quá trình Việt hóa Champa ở miền Trung thực chất là quá trình người Việt tiếp nhận, tái tổ chức và thể chế hóa một *địa thể hàng hải* có sẵn, đồng thời bị chính môi trường biển ấy biến đổi sâu sắc.

Mở rộng lãnh thổ và tái cấu trúc không gian hàng hải

Sau thất bại của Champa trước Đại Việt năm 1471, quyền lực chính trị của vương quốc này suy giảm nhanh chóng, đặc biệt tại tiểu quốc Vijaya. Tuy nhiên, sự sụp đổ của một trung tâm chính trị không đồng nghĩa với sự biến mất hoàn toàn của cấu trúc kinh tế-xã hội Champa. Các mạng lưới giao thương biển, các cộng đồng cư dân duyên hải và các tuyến kết nối vẫn tiếp tục vận hành trong nhiều thế kỷ sau đó. Các chúa Nguyễn tiếp quản không chỉ là lãnh thổ, mà còn cả một hệ thống không gian hàng hải đã được hình thành lâu dài. Hệ thống này chính là nền tảng để Đàng Trong phát triển mạnh mẽ từ thế kỷ XVI.²

Khác với chính thể Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài, dựa chủ yếu vào nền kinh tế nông nghiệp và bộ máy hành chính Nho giáo tập quyền, các chúa Nguyễn ở Đàng Trong phải xây dựng quyền lực trong điều kiện chiến tranh kéo dài với Đàng Ngoài. Để duy trì quân đội và củng cố vị thế chính trị, họ cần nguồn thu từ ngoại thương, vũ khí và các mối liên kết quốc tế. Chính điều này khiến chính quyền Đàng Trong phải chọn chính sách “mở cửa”, hướng biển, và thương mại quốc tế làm đòn bẩy để phát triển, thay vì hướng vào một nền kinh tế trọng nông ở nội địa. Các chúa Nguyễn đã không phá bỏ cấu trúc hàng hải cũ của

¹ Charles Wheeler, “Một vùng đất - hai lịch sử: tiền tố Chăm trong lịch sử vùng đất Hội An”, trong Trần Tuyết Nhung và Anthony Reid (Chủ biên), *Việt Nam lịch sử không biên giới*. Hoàng Anh Tuấn, Trương Huyền Chi và Nguyễn Quốc Anh dịch. Đinh Khắc Thuân hiệu đính. Hà Nội: Khoa học xã hội, 2024, 223.

² Theo Shieru Ikuta, vào cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII, “một mạng lưới thương mại hàng hải quốc tế mới được mở ra, nó xuất phát hoặc từ Hirado hay Nagasaki ở Nhật, hoặc thẳng tới Ma Cao, hay qua một số cảng thị nằm ở phía Bắc của vĩ tuyến 10 độ bắc tới Trung Hoa. Trên con đường này, đoạn giữa Nhật và các cảng thị (ở Đông Nam Á) được các tàu Nhật phụ trách, còn đoạn từ các cảng thị tới Trung Hoa do thuyền bè của người Hoa đảm nhiệm. Các cảng thị này, như Ayuthya, Pinhalu, Phnompenh hay Hội An và các cảng kề cận khác đều nằm ở rìa bắc của mạng lưới đường hàng hải quốc tế và đóng vai trò trung gian giữa vùng biển Đông Nam Á và Trung Hoa. Do đó, ta có thể nói rằng chúng đóng vai trò trung gian kép giữa vùng ven biển Đông Nam Á và Trung Hoa, cũng như giữa Nhật Bản và Trung Hoa”. Xem: Shigeru Ikuta, “Vai trò của các cảng thị vùng ven biển Đông Nam Á từ thế kỷ thứ II trước Công nguyên đến đầu thế kỷ XIX”, *Đô thị cổ Hội An*, Hà Nội: Khoa học xã hội, 1991, 255.

Champa, mà chủ động tái sử dụng các cảng Chăm để kết nối thương mại với bên ngoài, mở rộng hành lang ven biển, kiểm soát và khai thác lợi ích kinh tế các cảng biển và đảo cận duyên (như Cù Lao Chàm, Cù Lao Ré...), chủ động vươn ra khai thác và chiếm hữu nguồn lợi từ các quần đảo ngoài khơi như Bãi Cát Vàng/Hoàng Sa, Trường Sa (Nguyễn Quang Ngọc 2010; Trần Đức Anh Sơn 2014). Các vùng cửa biển, cảng sông, đảo ven bờ và hành lang giao thương được tích hợp vào hệ thống hành chính mới. Không gian biển dần được đặt dưới sự quản lý trực tiếp của chính quyền Đàng Trong, nhưng vẫn duy trì tính năng động vốn có của thương mại hàng hải.

Quá trình Việt hóa còn diễn ra thông qua sự tiếp nhận tri thức và lao động hàng hải bản địa. Người Việt di cư xuống miền Trung không chỉ mang theo mô hình làng xã nông nghiệp từ quê hương bản quán, mà còn học hỏi kỹ thuật đi biển, đóng thuyền và khai thác biển của cư dân Champa để làm sinh kế. Những yếu tố đó góp phần tạo nên một nền kinh tế đặc thù, khác biệt với kinh tế nông nghiệp thuần túy ở Đàng Ngoài.

Tiếp nối và biến đổi các cấu trúc cảng thị ven biển

Một trong những biểu hiện rõ nét nhất của quá trình Việt hóa địa thể hàng hải miền Trung là sự tiếp quản, phục hồi và phát triển các cảng thị sẵn có của Champa (Trần Quốc Vượng 1998).¹ Trong khi các triều đại Đại Việt trước đó chủ yếu tập trung quyền lực ở vùng châu thổ sông Hồng, các chúa Nguyễn ở Đàng Trong lại chuyển trọng tâm quyền lực từ nội địa ra ven biển, xây dựng quyền lực dựa trên việc kiểm soát các tuyến hải thương. Biển trở thành không gian trung tâm kinh tế và chiến lược.

Các trung tâm chính trị như Phú Xuân hay Quảng Nam đều gắn chặt với hệ thống sông ngòi và cửa biển. Điều này phản ánh sự thay đổi trong logic không gian của chính quyền các chúa Nguyễn: biển không còn bị xem là vùng rìa mà trở thành trục trung tâm của kinh tế và chiến lược quân sự; các thương cảng là đầu cầu kinh tế, tạo nguồn lực tài chính cho nhà nước, cũng là nơi tiếp nhận các nguồn nhân lực (các dòng di dân từ Trung Hoa, thương nhân Nhật Bản, thương nhân châu Âu...) và tiếp thu văn hóa, văn minh từ bên ngoài. Sự phát triển của các thương cảng Thanh Hà (Phú Xuân), Hội An (Quảng Nam), Nước Mặn (Bình Định)... là những minh chứng sống động (Đỗ Bang 1997).

¹ Trong bài viết “Về một nền văn hóa cảng thị miền Trung”, Trần Quốc Vượng đã liệt kê 19 cửa biển-cảng thị dọc theo vùng duyên hải miền Trung, từ cửa Lạch Trường (Thanh Hóa) cho đến cảng Phan Thiết (Bình Thuận), và cho rằng phần lớn các cảng thị từ Quảng Trị trở vào “đều có sự chuyển hóa từ cảng Chăm sang cảng Việt” và “thế kỷ XVII là thời kỳ phục hưng của các cảng miền Trung”. Xem Trần Quốc Vượng, “Về một nền văn hóa cảng thị miền Trung”, *Việt Nam - cái nhìn địa văn hóa*, Hà Nội: Văn hóa dân tộc & Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, 1998, 343, 344.

Trong số đó, Hội An trong thế kỷ XVII là minh chứng tiêu biểu nhất. Từ một cảng thị vốn nằm trong mạng lưới thương mại Champa, Hội An trở thành một trong những thương cảng quốc tế lớn nhất Đông Nam Á. Thương nhân Nhật Bản, Trung Hoa, Bồ Đào Nha, Hà Lan và nhiều cộng đồng Đông Nam Á khác thường xuyên lui tới nơi đây. Sự phồn thịnh của Hội An không chỉ đem lại nguồn thu lớn cho các chúa Nguyễn mà còn thúc đẩy sự hình thành một xã hội ven biển có tính quốc tế cao (Phan Khoang. 1969; Đỗ Bang 1996; Li Tana 1998; Nguyễn Văn Kim 2017). Bên cạnh các cảng lớn, hàng chục bến cảng nhỏ dọc miền Trung cũng góp phần tạo nên một chuỗi giao thương liên tục.¹ Các cửa biển và lưu vực sông trở thành cầu nối giữa vùng cao và duyên hải, duy trì logic không gian đã tồn tại từ thời Champa.

Điều quan trọng là các chúa Nguyễn không tạo ra hệ thống này từ đầu. Họ kế thừa các tuyến giao thương, mạng lưới cư dân và các cấu trúc kinh tế đã được xây dựng từ thời Champa. Vì vậy, sự phát triển của Đàng Trong cần được nhìn nhận như quá trình Việt hóa và thể chế hóa một *địa thể hàng hải* có sẵn hơn là việc kiến tạo hoàn toàn một không gian mới.

Di dân người Việt và quá trình tái cấu trúc xã hội ven biển

Quá trình Việt hóa *địa thể hàng hải* miền Trung gắn liền với các làn sóng di dân từ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ vào phương Nam trong các thế kỷ XVI-XVIII. Tuy nhiên, những cộng đồng này không đơn thuần sao chép mô hình xã hội từ đồng bằng Bắc Bộ đem vào miền Trung.

Trong điều kiện địa lý mới, người Việt miền Trung buộc phải thích nghi với môi trường biển. Dải đồng bằng hẹp và đất canh tác hạn chế khiến họ ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào đánh bắt thủy sản, thương mại và các hoạt động hàng hải. Vì thế, cấu trúc xã hội ven biển miền Trung trở nên linh hoạt và cởi mở hơn so với mô hình làng xã nông nghiệp ở Bắc Bộ.

Sự tiếp xúc lâu dài với cư dân Chăm cũng tạo nên nhiều hình thức giao thoa văn hóa sâu sắc. Không ít yếu tố tín ngưỡng và tập quán của người Chăm tiếp tục tồn tại trong đời sống người Việt miền Trung. Tín ngưỡng thờ cá Ông, tục thờ nữ thần biển, nhiều lễ hội cầu ngư và các nghi thức đi biển đều phản ánh quá trình tiếp biến đó.

¹ Alexandre Rhodes cho biết trong 350 dặm bờ biển miền Trung có hơn 50 bến cảng. Còn theo *Nam Việt bản đồ* (E.F.E.O., A.1603, 19b-22a), chỉ riêng khu vực Thuận Hóa và Quảng Nam đã có 31 cảng. Dẫn theo: Pièrre-Yves Manguin, "Les Portugais lesur cotés du Vietnam et du Campa", B.E.F.E.O., Paris.

Ngoài tín ngưỡng, người Việt còn tiếp nhận nhiều tri thức hàng hải của cư dân bản địa. Kỹ thuật đóng thuyền, xác định luồng lạch và kinh nghiệm đi biển được truyền tải qua nhiều thế hệ, góp phần hình thành truyền thống hàng hải của cư dân miền Trung.

Việt hóa vì vậy không thể hiểu như sự thay thế hoàn toàn văn hóa Champa bằng văn hóa Đại Việt. Đó là quá trình tái cấu trúc xã hội, trong đó người Việt vừa mở rộng quyền lực chính trị, vừa tiếp nhận và thích nghi với môi trường biển cùng các nền tảng văn hóa bản địa.

Tái cấu trúc mạng lưới biển - miền núi

Một đặc điểm quan trọng của địa thế hàng hải miền Trung là mối liên kết chặt chẽ giữa vùng cao và duyên hải. Từ thời Champa, các lưu vực sông đã đóng vai trò như những hành lang kinh tế, đưa lâm sản, trầm hương, vàng và các sản vật miền núi xuống các cảng biển để trao đổi với thương nhân quốc tế (Henry Maitre 2007; Nguyễn Phước Bảo Đàn 2009: 151-218; Li Tana 1999: 123; Vũ Thị Xuyên 2023; Trần Tấn Vĩnh 2026: 64-83).

Dưới thời các chúa Nguyễn, cấu trúc này tiếp tục được duy trì và thể chế hóa mạnh mẽ hơn. Chính quyền Đàng Trong thiết lập các mạng lưới thu thuế, trao đổi hàng hóa và áp dụng chính sách *nhu viễn* với các cộng đồng miền núi, nhằm đảm bảo nguồn cung sản vật cho thương mại biển. Các nhóm cư dân miền núi vì vậy không nằm ngoài cấu trúc quyền lực của Đàng Trong, mà trở thành một bộ phận quan trọng của nền kinh tế hàng hải (Lê Quý Đôn 1977, 356-357). Điều này cho thấy miền Trung từ thời chúa Nguyễn đã không lựa chọn mô hình “quốc gia nông nghiệp” thuần túy để phát triển, mà lựa chọn một *cấu trúc lai* (hybrid structure), nơi quyền lực chính trị được duy trì thông qua sự kiểm soát đồng thời các cảng biển, các lưu vực sông và các tuyến kết nối miền núi. Chính đặc điểm này khiến Đàng Trong gần gũi hơn với các thể chế hàng hải Đông Nam Á như Melaka hay Ayutthaya hơn là với mô hình nhà nước Nho giáo tập quyền ở Bắc Bộ.

Thể chế hóa không gian biển

Một bước phát triển quan trọng trong quá trình Việt hóa địa thế hàng hải miền Trung là việc các chúa Nguyễn từng bước thể chế hóa không gian biển và ven biển như một bộ phận cấu thành của nhà nước. Chính quyền Đàng Trong, từ thời chúa Nguyễn đến thời Nguyễn đã xây dựng các cơ chế quản lý cảng biển, kiểm soát thương mại quốc tế và tổ chức lực lượng hải quân tương đối mạnh. Các thương cảng được đặt dưới sự quản lý trực tiếp của chính quyền, trong khi các hoạt động thu thuế thương mại trở thành nguồn tài chính chủ yếu của nhà nước.

Biển được tích hợp trong chính sách và chiến lược của nhà nước. Nếu trước đó quyền lực của các thể chế chính trị Đại Việt chủ yếu hướng vào kiểm soát đồng bằng và biên giới lục địa, thì từ thế kỷ XVII trở đi, biển trở thành không gian chiến lược của các nhà nước ở

Đàng Trong trong quá trình mở rộng lãnh thổ và giao thương quốc tế. Từ nền tảng này mà các hoạt động khai phá Nam Bộ và kiểm soát các quần đảo ngoài khơi sau này được thúc đẩy. Việc tổ chức các đội dân binh khai thác và tuần tra ngoài Biển Đông cho thấy nhà nước Đàng Trong đã bắt đầu nhìn biển như một phần của không gian chủ quyền. Sự ra đời và hoạt động của các đội Hoàng Sa và Bắc Hải là biểu hiện rõ nét của nhận thức đó (Nguyễn Quang Ngọc 2010; Trần Đức Anh Sơn 2014). Đây là bước chuyển quan trọng từ một địa thể hàng hải dựa chủ yếu trên mạng lưới thương mại sang một không gian biển ngày càng được thể chế hóa trong logic lãnh thổ của nhà nước Việt Nam.

Tóm lại, quá trình Việt hóa miền Trung trong các thế kỷ XVI-XVIII không nên hiểu đơn thuần như sự “mở rộng lãnh thổ” của Đại Việt. Thực chất, đó là quá trình tái cấu trúc một địa thể hàng hải đã tồn tại từ trước dưới thời Champa. Điều mà các chúa Nguyễn thực hiện là tiếp quản các nền tảng không gian biển của Champa rồi tái tổ chức chúng trong khuôn khổ chính trị mới của Đàng Trong. Biển tiếp tục giữ vai trò trung tâm của đời sống kinh tế và giao thương; các cảng thị vẫn là các điểm nút chiến lược; còn các hành lang nối miền núi với duyên hải vẫn duy trì vai trò quan trọng trong hệ thống trao đổi khu vực.

Tuy nhiên, trong quá trình đó, cấu trúc hàng hải Champa dần được “Việt hóa” thông qua di dân, mở rộng hành chính và thể chế hóa không gian biển, xác lập chủ quyền biển của nhà nước thời chúa Nguyễn và sau đó là vương triều Nguyễn. Kết quả là một cấu trúc không gian mới hình thành: không còn là không gian biển độc lập như thời Champa, nhưng cũng không là một lãnh thổ lục địa kiểu Đại Việt truyền thống. Đàng Trong thực chất là một *cấu trúc lai* giữa nhà nước trọng nông Việt Nam và thể chế hàng hải Đông Nam Á. Người Việt không chỉ mở rộng lãnh thổ mà còn tiếp nhận các nền tảng bản địa ở vùng lãnh thổ mở rộng đó. Điều này tạo nên một không gian mang tính phức hợp: vừa mang những đặc điểm của mô hình nhà nước truyền thống Đại Việt, vừa kế thừa mạnh mẽ thể chế biển của Champa và thế giới Đông Nam Á. Do đó, lịch sử miền Trung thế kỷ XVI-XVIII cần được hiểu không chỉ như lịch sử Nam tiến, mà như lịch sử tái cấu trúc và thể chế hóa một địa thể hàng hải trong quá trình hình thành không gian biển Việt Nam tiền hiện đại.

Kết luận

Bài viết đề xuất khái niệm *địa thể hàng hải* như một khung lý thuyết nhằm tái khái niệm hóa lịch sử miền Trung Việt Nam và làm phong phú hơn cách hiểu về quá trình hình thành nhà nước Việt Nam. Thay vì tiếp tục xem miền Trung như một “vùng biên” được sáp nhập vào Đại Việt trong diễn trình Nam tiến, bài viết khẳng định đây là địa thể hàng hải, được tổ chức chủ yếu bởi biển, các cảng thị, hệ thống cửa sông và mạng lưới giao thương liên vùng. Biển ở đây không phải yếu tố ngoại vi mà là trục cấu trúc trung tâm định hình quyền lực, kinh tế, văn hóa và bản sắc khu vực qua các thời kỳ.

Cách tiếp cận này vượt qua mô hình diễn giải truyền thống vốn quá nhấn mạnh tính liên tục lãnh thổ theo trục Bắc-Nam. Miền Trung Việt Nam cần được nhìn nhận là một không gian hướng biển (maritime oriented space) mạnh mẽ. Trong đó, thời kỳ Champa là giai đoạn rõ nét nhất của *địa thể hàng hải* miền Trung, một chính thể phân tầng dựa trên cảng thị (trade port), mạng lưới thương mại (commercial networks) và hành lang nối duyên hải với miền núi (corridors connecting the coastal lowlands with the highlands). Kinh tế Champa dựa vào thương mại hương liệu, lâm sản và vai trò trung chuyển trong hệ thống hàng hải Biển Đông; văn hóa tôn giáo cũng phản ánh mạnh mẽ tinh thần hướng biển.

Nhìn nhận Champa từ góc độ địa thể hàng hải giúp vượt qua quan điểm truyền thống coi đây chỉ là “vương quốc thất bại” bị Đại Việt thay thế hoàn toàn. Thực tế, khi Champa suy yếu, logic tổ chức hàng hải của miền Trung vẫn được tiếp nối. Quá trình Việt hóa miền Trung dưới thời các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn không phải là sự thay thế tuyệt đối mà là quá trình tiếp nhận, tái cấu trúc và thể chế hóa một không gian hàng hải đã tồn tại từ trước. Cách tiếp cận này giúp tránh hai cực đoan: vừa bác bỏ quan niệm Việt hóa là chinh phục và đồng hóa hoàn toàn, vừa tránh lý tưởng hóa Champa như một nền văn minh bị xóa sổ. Thay vào đó, nó nhấn mạnh sự tiếp nối và biến đổi đồng thời, tạo nên sức bền lịch sử của miền Trung.

Về phương diện lý thuyết, lý thuyết *địa thể hàng hải* (maritime geo-body) mở rộng khái niệm *địa thể* (geo-body) của Thongchai Winichakul, chuyển trọng tâm từ lãnh thổ quốc gia hiện đại sang các không gian biển và mạng lưới kết nối. Lý thuyết này làm rõ đặc trưng tổ chức theo logic mạng lưới (cảng thị, cửa sông, hành lang) thay vì lãnh thổ liên mạch, đồng thời thách thức sự phân chia “cứng” giữa Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo. Cụ thể miền Trung Việt Nam tuy nằm trên lục địa, nhưng vẫn có thể vận hành chủ yếu theo logic hàng hải.

Cuối cùng, việc nhận diện miền Trung như một *địa thể hàng hải* không chỉ viết lại lịch sử vùng đất này mà còn góp phần tái tư duy về sự hình thành nhà nước Việt Nam: lãnh thổ quốc gia không chỉ là mở rộng theo chiều dọc Bắc-Nam, mà còn là sự kết tinh đa tầng của các liên kết biển, hành lang sinh thái và mạng lưới khu vực.

Biển, vì vậy, không còn là “rìa” mà trở thành một phần cốt lõi trong cấu trúc lịch sử và bản sắc của miền Trung, cũng là định hướng chiến lược phát triển của Việt Nam trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

Bronson, Bennett (1977). “Exchange at the Upstream and Downstream Ends: Notes toward a Functional Model of the Coastal State in Southeast Asia,” in *Economic Exchange and Social*

- Interaction in Southeast Asia*. ed. Karl L. Hutterer. Ann Arbor: University of Michigan, 39-52.
- Đại Việt sử ký toàn thư (2025). Cao Huy Giu dịch, Đào Duy Anh hiệu đính (Tái bản trọn bộ). Hà Nội: Hồng Đức.
- Ỗ Bang (1996). *Phố cảng vùng Thuận Quảng thế kỷ XVII-XVIII*. Hà Nội: Thuận Hóa và Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam.
- Lê Quý Đôn (1977). *Toàn tập* [Tập 1: Phủ biên tạp lục], Hà Nội: Khoa học xã hội.
- Li Tana (1998). *Nguyen Cochinchina: Southern Vietnam in the Seventeenth and Eighteenth Centuries*. Ithaca, NY: Cornell Southeast Asia Program.
- Li Tana (2006). "A View from the Sea: Perspectives on the Northern and Central Vietnamese Coast." *Journal of Southeast Asian Studies* 37, no. 1, 83-102.
- Li Tana (2024). *A Maritime Vietnam: From Earliest Times to the Nineteenth Century*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Li Tana (1999). *Xứ Đàng Trong. Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17-18*. Bản dịch của Nguyễn Nghị. TP. Hồ Chí Minh: Trẻ.
- Manguin, Piere-Yves (1972). "Les Portugaise sur cotés du Vietnam et du Campa". *B.E.F.E.O.* Paris.
- Maspero, Georges (1928). *Le Royaume de Champa*. Paris: École française d'Extrême-Orient.
- Maitre, Henry (2007). *Rừng người Thượng* (phần III). Lưu Đình Tuấn dịch, Nguyễn Ngọc hiệu đính. Hà Nội: Tri Thức.
- Nguyễn Phước Bảo Đàn (2009). "Từ con đường muối, nhận diện trao đổi xuôi-ngược ở Miền Trung Việt Nam trong lịch sử". *Nhận thức về Miền Trung Việt Nam - Hành trình 10 năm tiếp cận*. Huế: Thuận Hóa, 151-218.
- Nguyễn Phước Bảo Đàn (2018). "Con đường muối ở Quảng Trị trong lịch sử", trong Nguyễn Quang Ngọc và Nguyễn Văn Kim chủ biên. *Biển với lục địa: Vai trò và mạng lưới giao lưu ở lưu vực các dòng sông miền Trung*. Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội, 288-320.
- Nguyễn Quang Ngọc (2010). *Chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa, Trường Sa: Tư liệu và sự thật lịch sử*. Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Văn Kim (2017). "Trading-port system in Central Vietnam under Champa period: An examination from Vietnam-Champa relations," in *Binh Dinh Ceramic - Vijaya kingdom and Champa relation with Dai Viet in 11th-13rd centuries*. Binh Dinh, 3-24.
- Phan Khoang 1969. *Việt sử xứ Đàng Trong 1558-1977. Cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam* (Tái bản lần thứ 3, 2025). Đà Nẵng: Đà Nẵng.
- Quốc sử quán triều Nguyễn (1998). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Bản dịch của Viện Sử học. Hà Nội: Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn (2025). *Hai bộ chính sử về Đàng Trong - Đại Nam thực lục tiền biên*. Cao Tự Thanh dịch và giới thiệu. Hà Nội: Đại học Su phạm.

- Reid, Anthony (1988). *Southeast Asia in the age of commerce, 1450–1680*, Vol. 1: The lands below the winds. New Haven: Yale University Press.
- Reid, Anthony (1993). *Southeast Asia in the age of commerce, 1450–1680*, Vol. 2: Expansion and crisis. Yale University Press.
- Scott, James C. (2009). “The Art of Not Being Governed: An Anarchist History of Upland Southeast Asia.” Yale University Press.
- Shigeru Ikuta (1991). “Vai trò của các cảng thị vùng ven biển Đông Nam Á từ thế kỷ thứ II trước Công nguyên đến đầu thế kỷ XIX”. *Đô thị cổ Hội An*. Hà Nội: Khoa học xã hội, 243-260.
- Steinberg, Philip E. (2001). *The Social Construction of the Ocean*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Thongchai Winichakul (1994). *Siam Mapped: A History of the Geo-Body of a Nation*. Honolulu: University of Hawai’i Press.
- Trần Đức Anh Sơn (Chủ biên) (2014). *Tư liệu về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa*. TP. Hồ Chí Minh: TP. Hồ Chí Minh.
- Trần Tuyết Nhung và Anthony Reid (Chủ biên) (2024). *Việt Nam - Lịch sử không biên giới*. Hoàng Anh Tuấn, Trương Huyền Chi và Nguyễn Quốc Anh dịch. Đinh Khắc Thuân hiệu đính. Hà Nội: Khoa học xã hội
- Trần Quốc Vượng (1988). “Về một nền văn hóa cảng thị miền Trung”. *Việt Nam - Cái nhìn địa văn hóa*, Hà Nội: Văn hóa dân tộc và Tạp chí Văn hóa nghệ thuật.
- Trần Quốc Vượng (1985). *Chiêm cảng Hội An với cái nhìn về biển của người Chăm và người Việt*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học về Hội An.
- Trần Tấn Vĩnh (2026). “Con đường muối trong hoạt động giao thương và tiếp biến văn hóa ẩm thực của các dân tộc thiểu số vùng Trường Sơn - Tây Nguyên”. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Đông Á*. Số 1(17). 2026, 64-83.
- Trần Thanh Hưng (2025). “Sông Ba và trục kinh tế”. *Tạp chí Xưa & Nay*. Số 579, tháng 9.
- Trần Trọng Kim 1920. *Việt Nam sử lược*. Hà Nội: Trung Bắc Tân Văn.
- Viện Sử học (2017). *Lịch sử Việt Nam*. Tập 4: Từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII (Trần Thị Vinh chủ biên). Hà Nội: Khoa học xã hội.
- Vũ Thị Xuyên (2023). “Nguồn” trong các mối quan hệ khu vực của miền trung Việt Nam thế kỷ XVI - XIX (Nghiên cứu trường hợp Cam Lộ - Quảng Trị). Luận án Tiến sĩ Lịch sử. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Wheeler, Charles (2006). “One Region, Many Worlds: The Central Coast of Vietnam as a Coastal Frontier.” *Journal of Vietnamese Studies* 1(1-2), 163-192.
- Wheeler, Charles (2006). “Re-Thinking the Sea in Vietnamese History: Littoral Society in the Integration of Thuận-Quảng, Seventeenth-Eighteenth Centuries.” *Journal of Southeast Asian Studies* 37, 1. Feb, 123-153.

Yamagata, Mariko (2011). "Trà Kiệu during the Second and Third Centuries CE: The Formation of Linyi from an Archaeological Perspective." Bruce Lockhart and Ky Phuong Tran, eds. *The Cham of Vietnam: History, Society and Art*. Singapore: NUS Press.

권오영 [Kwon Oh-young] (2017). 『바닷길의 확장이 동북아시아에 미친 파급』 [Sự mở rộng của những tuyến đường biển và tác động lan tỏa đối với Đông Bắc Á], 해상 실크로드와 문명의 교류 동남아시아와 동북아시아 [Con đường tơ lụa trên biển và giao lưu văn minh Đông Nam Á và Đông Bắc Á]. 강희정 엮음 [Kang Hee-jung chủ biên], 51-79.